CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sông Đà 6

Ngày 30/06/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.0%	-	-

DT thuần
Q2/25
3.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.4| -80.5%
YoY: ▼8.03| -66.9%

LN thuần
Q2/25
-6.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.9| 83.3%
YoY: ▲ 2.25| 24.9%

LN sau thuế
Q2/25
-5.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.4| 85.7%
YoY: ▲ 2.29| 28.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.5%
YoY: +/-▲ 174%

ROE (TTM)
Q2/25
-22.3%
YoY: +/-▼ 5.2%

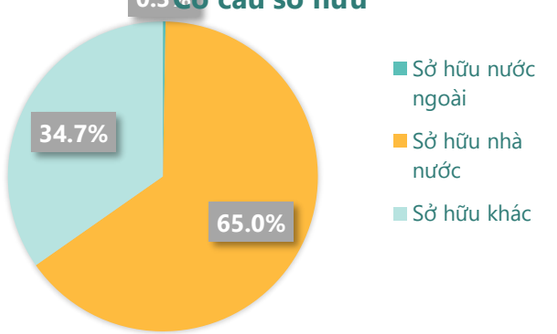
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	80
Số lượng CPLH (CP)	34,771,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,075
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.40
EPS	-965
P/E	-2.4

DT thuần
6T 2025
24.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.4| -57.8%

LN thuần
6T 2025
-47.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.4| -291%

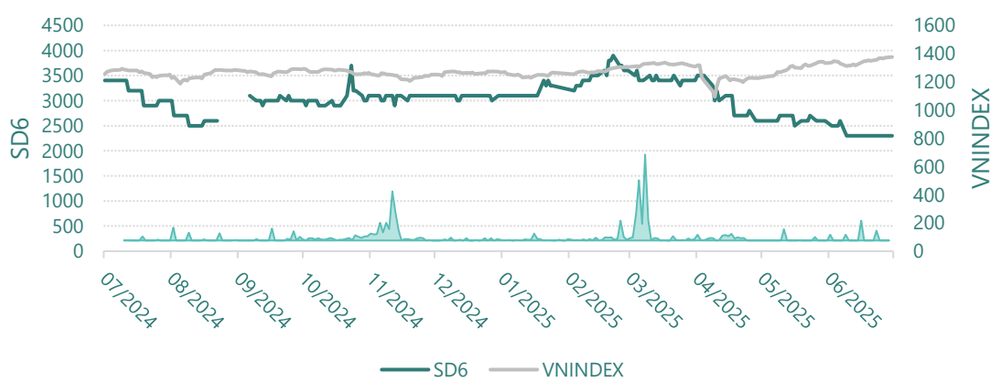
LN sau thuế
6T 2025
-45.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.8| -283%

Cơ cấu sở hữu

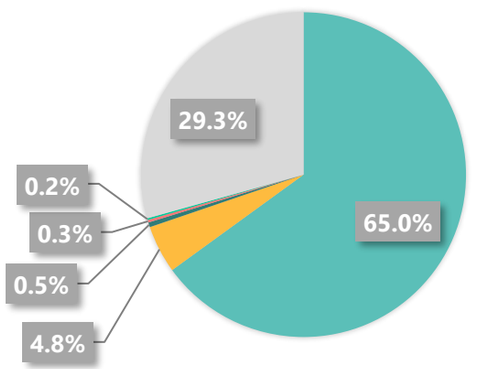


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

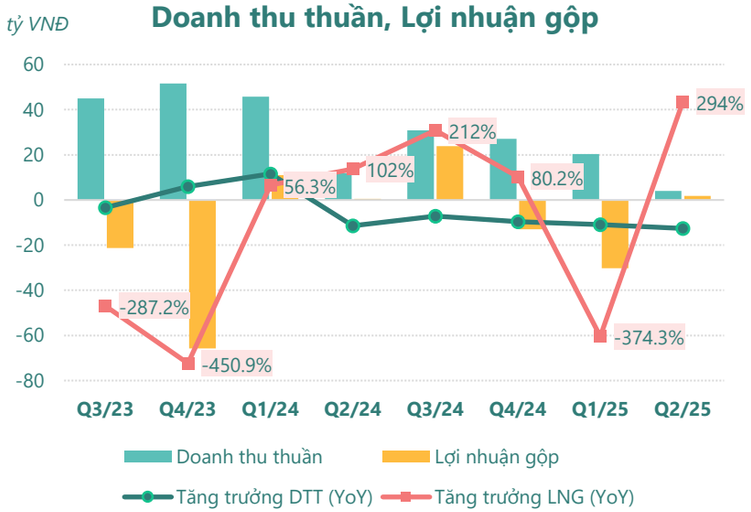


- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
- America LLC
- Nguyễn Văn Tùng
- Đặng Quốc Bảo (Chủ tịch HĐQT)
- Hồ Sỹ Hùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

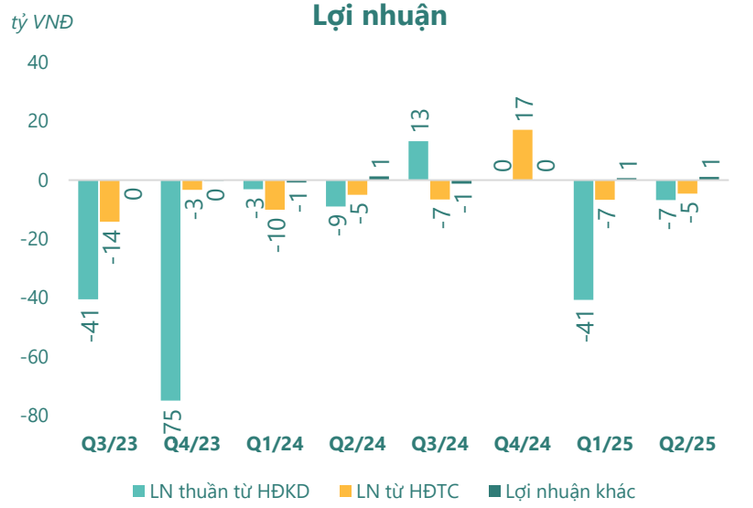
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



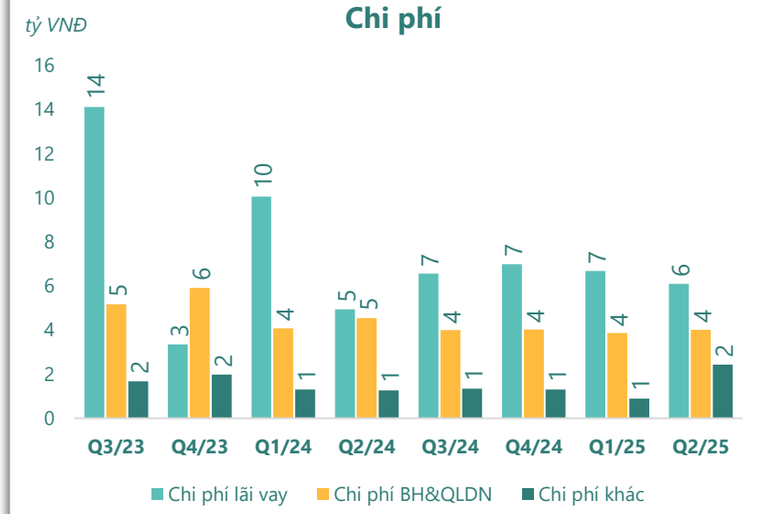
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



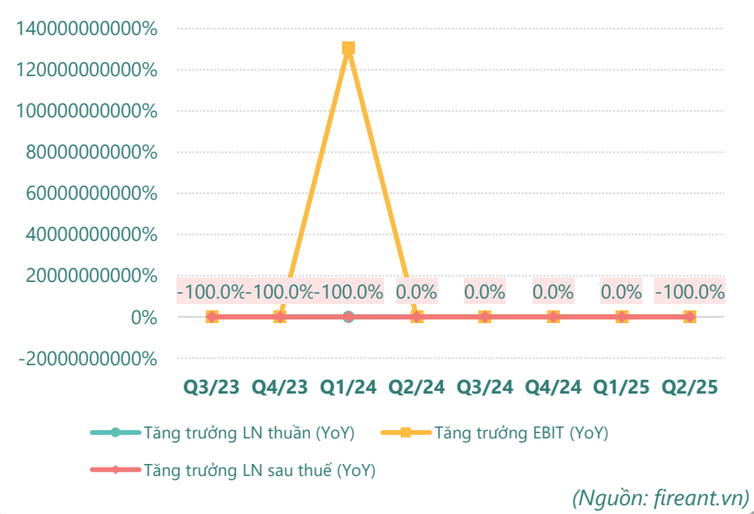
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



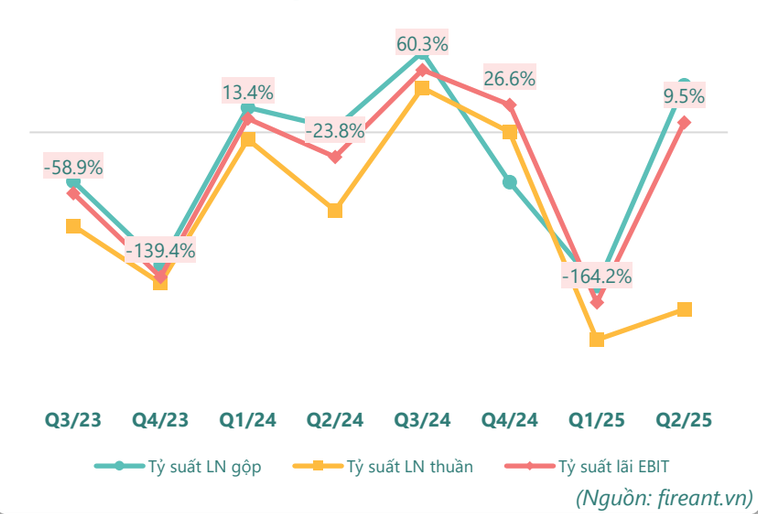
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



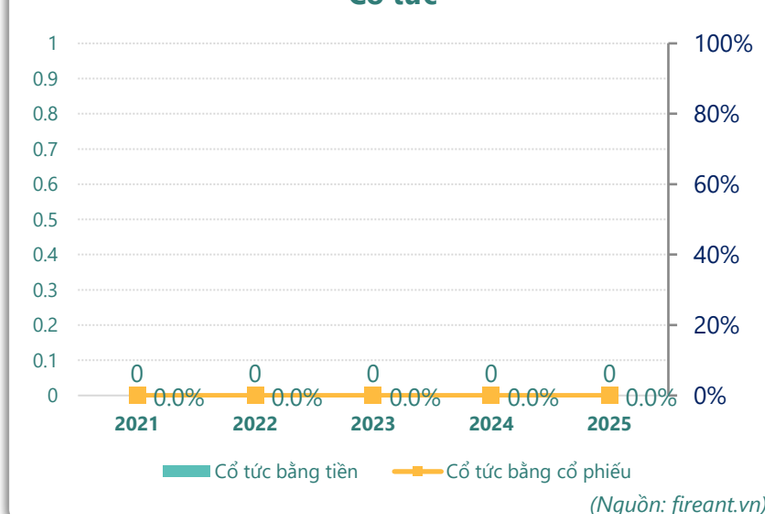
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

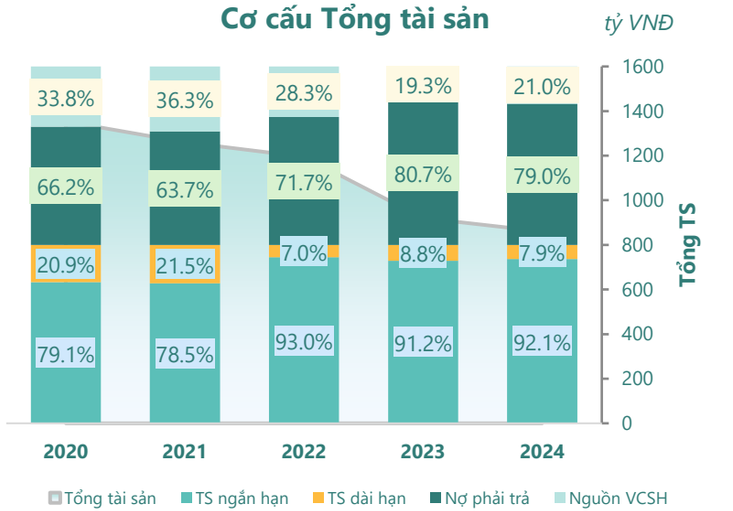
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

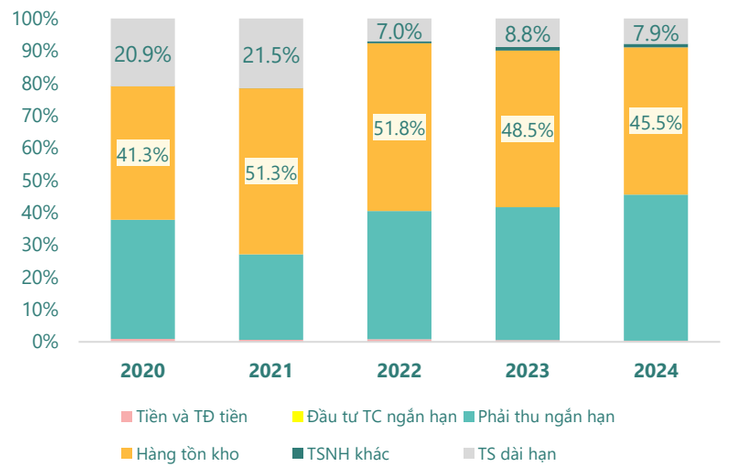
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



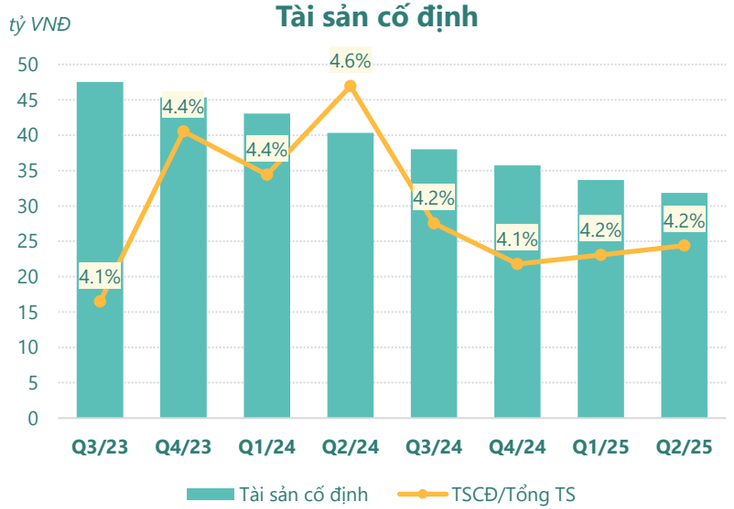
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



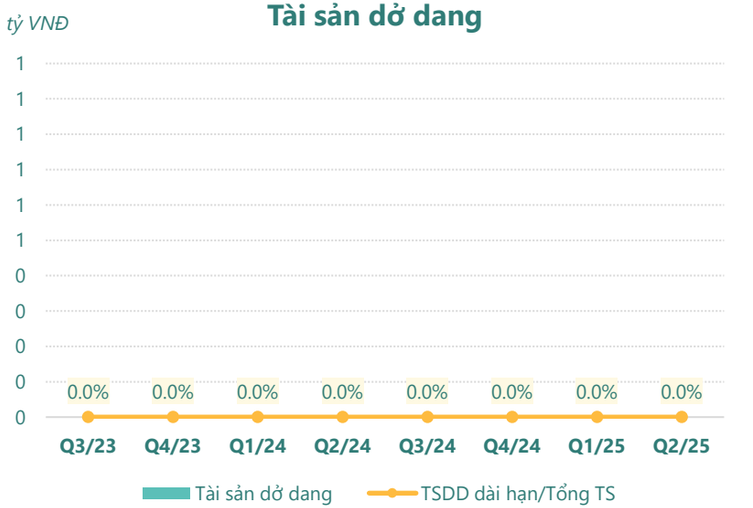
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



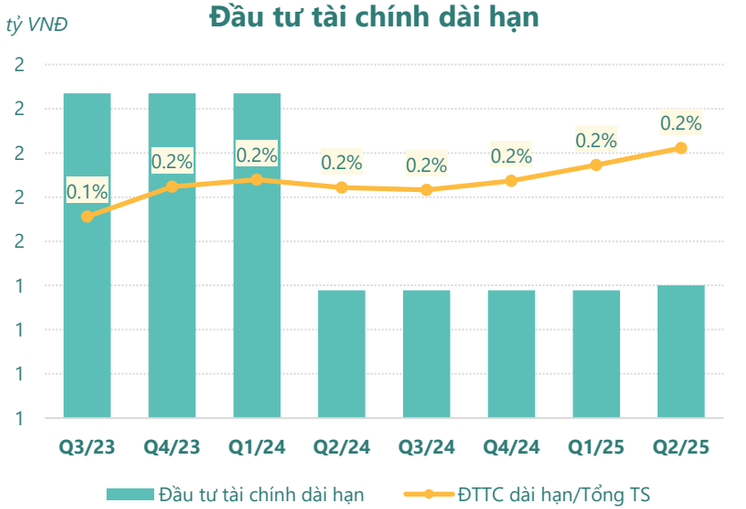
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



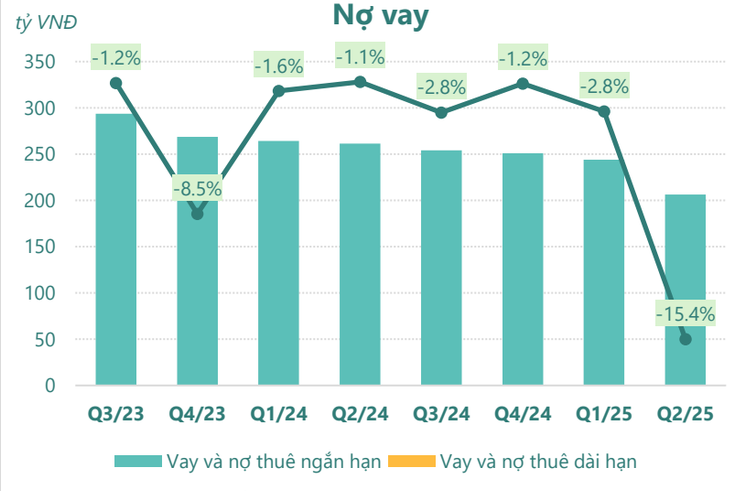
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

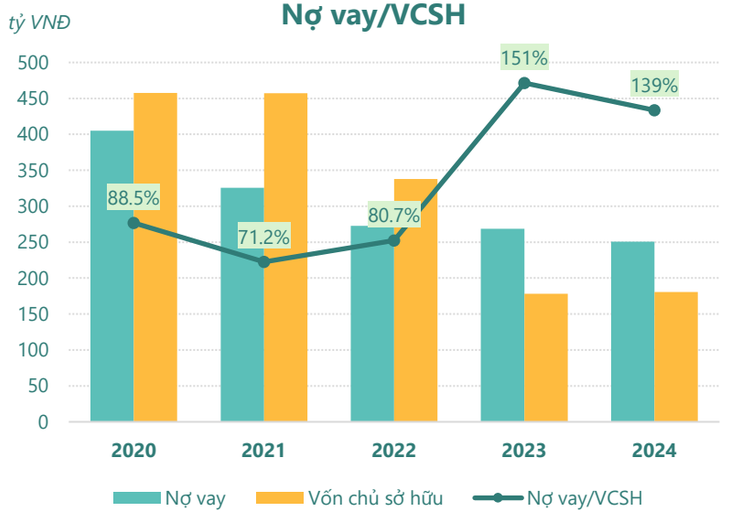
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

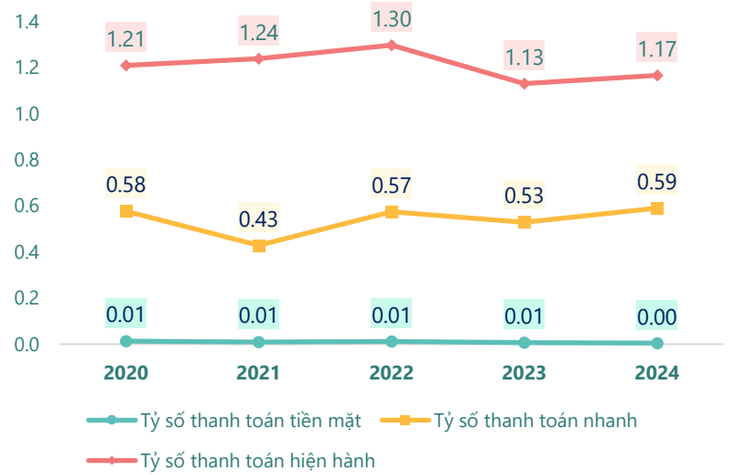
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



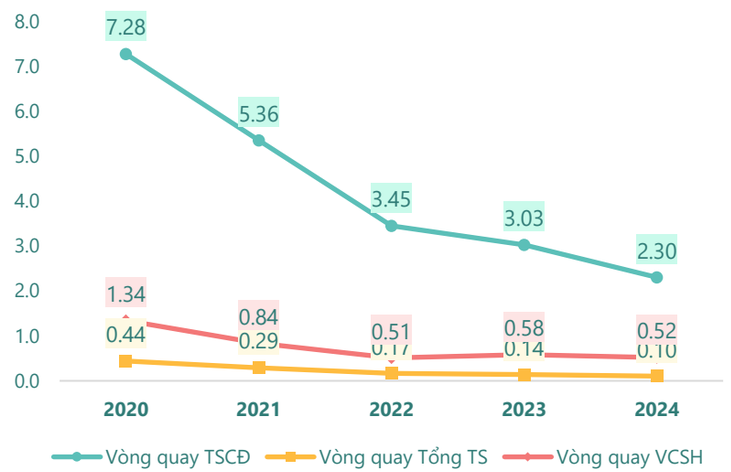
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



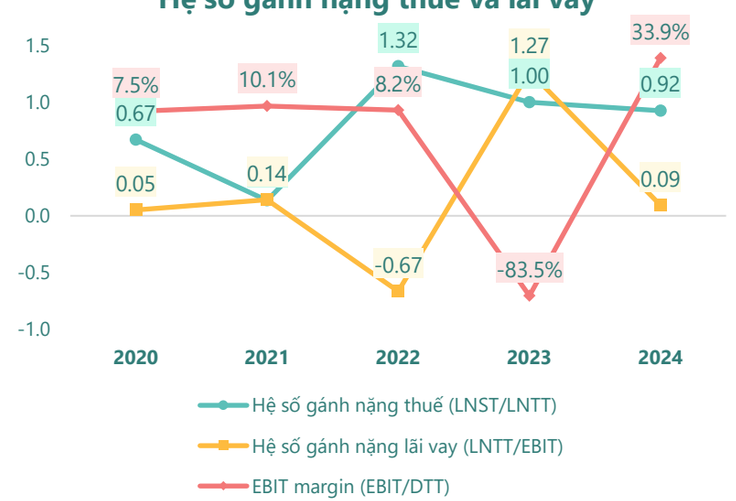
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



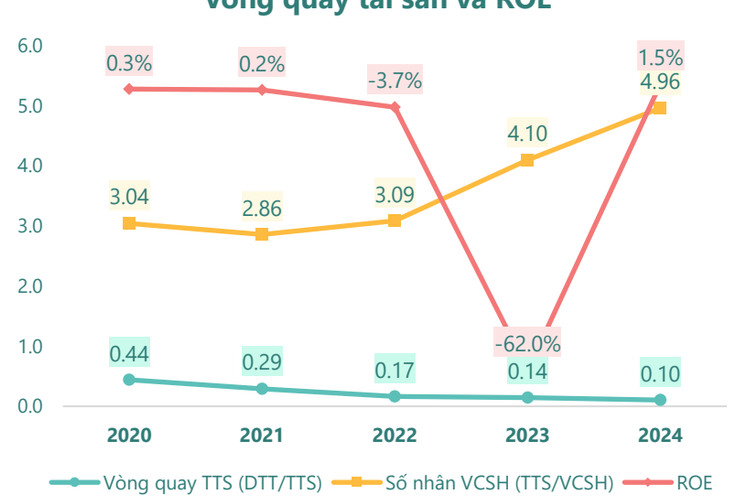
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



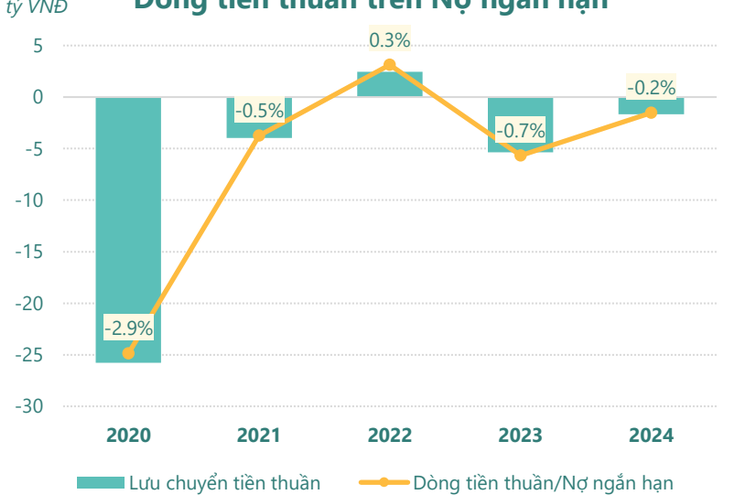
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.97**	**12.0**	**-66.9%**	**24.3**	**57.7**	**-57.8%**
Giá vốn hàng bán	2.17	11.5	-81.1%	52.7	46.2	14.1%
Lợi nhuận gộp	1.80	0.46	292%	-28.4	11.5	-348%
Doanh thu HĐTC	1.99	0.00		1.99	0.00	80796%
Chi phí TC	6.56	4.95	32.5%	13.2	15.0	-11.8%
Chi phí lãi vay	6.10	4.95	23.2%	12.8	15.0	-14.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.02**	**4.54**	**-11.5%**	**7.88**	**8.62**	**-8.5%**
LN thuần từ HĐKD	-6.78	-9.03	24.9%	-47.5	-12.1	-291%
Lợi nhuận khác	**1.07**	**1.23**	**-13.3%**	**1.71**	**0.41**	**322%**
LN trước thuế	-5.72	-7.79	26.6%	-45.8	-11.7	-290%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.72**	**-8.01**	**28.6%**	**-45.8**	**-12.0**	**-283%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.72**	**-8.01**	**28.6%**	**-45.8**	**-12.0**	**-283%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.58	2.14	7.09	2.09	13.2	30.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.34	0.10	1.32	1.78	0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.38	-2.84	-8.08	-3.32	-7.54	-37.0
Tiền đầu kỳ	4.79	3.00	3.64	2.75	3.13	10.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.80**	**0.64**	**-0.89**	**0.09**	**7.42**	**-6.45**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.00	3.64	2.75	2.83	10.5	4.10

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**760**	**860**	**-11.7%**
Tài sản ngắn hạn	698	792	-11.8%
Tiền và tương đương tiền	4.10	3.13	31.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	334	389	-14.2%
Hàng tồn kho	351	391	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	9.99	8.92	12.0%
Tài sản dài hạn	**61.2**	**67.8**	**-9.8%**
Phải thu dài hạn	24.9	30.7	-18.7%
Tài sản cố định	31.8	35.7	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.45	1.44	0.4%
Tài sản dài hạn khác	**2.98**	**0.01**	**25970%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	625	679	-8.0%
Nợ ngắn hạn	**624**	**679**	**-8.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	206	251	-17.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	116	126	-8.2%
Nợ dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**135**	**181**	**-25.3%**
Vốn chủ sở hữu	**135**	**181**	**-25.3%**
Vốn điều lệ	348	348	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)